

Bản án số: 518/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 08 – 7 – 2024

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đoàn Văn Rý.

2. Bà Thái Thục Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Hiền.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8 tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Vân – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 265/2024/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 4 năm 2024 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 114/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 30/5/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 89/2024/QĐST-HNGĐ ngày 17/6/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Trần Văn P**, sinh năm 1977.

Địa chỉ: **Số D đường D, Phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.** (có đơn xin vắng mặt)

2. Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị Hồng P1**, sinh năm 1982.

Địa chỉ: **Số D đường D, Phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.** (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cùng các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn ông **Trần Văn P** trình bày:

Ông **Trần Văn P** và bà **Nguyễn Thị Hồng P1** đăng ký kết hôn vào năm 2000 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 089/2000, đăng ký ngày 04/12/2000 tại Ủy ban nhân dân Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi kết hôn

ông bà sinh sống tại địa chỉ: Số D đường D, Phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hai vợ chồng chung sống được một thời gian thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do quan điểm sống khác biệt, cuộc sống vợ chồng không hợp nhau, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Ông bà đã sống ly thân từ năm 2016 đến nay.

Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông Trần Văn P nộp đơn khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Thị Hồng P1.

- Về con chung: Ông Trần Văn P và bà Nguyễn Thị Hồng P1 có hai con chung là Trần Gia L (giới tính: nữ; sinh ngày: 09/11/2001; đã thành niên) và Trần Gia H (giới tính: Nam; sinh ngày: 14/11/2006). Ông P yêu cầu giao con chung là Trần Gia H cho bà Nguyễn Thị Hồng P1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông không cấp dưỡng cho con.

- Về tài sản chung: Ông P xác nhận không có. Không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông P xác nhận không có. Không yêu cầu Toà án giải quyết.

Ông P cam kết việc ly hôn của ông và bà P1 không nhằm trốn tránh bất kỳ nghĩa vụ nào và ông chỉ nộp đơn khởi kiện ly hôn tại Toà án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại phiên toà sơ thẩm,

- Nguyên đơn ông Trần Văn P có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng P1 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Giấy triệu tập; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Giấy triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 114/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 30/5/2024; Quyết định hoãn phiên toà số 89/2024/QĐST-HNGĐ ngày 17/6/2024; Giấy triệu tập tham gia phiên toà nhưng bà Nguyễn Thị Hồng P1 vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị Hồng P1 theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8 phát biểu ý kiến:

Về tố tụng:

+ Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

+ Nguyên đơn đã thực hiện đúng, đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Bị đơn chưa thực hiện đúng, đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ để xem xét giải quyết vụ án.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông **Trần Văn P**, cụ thể:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của ông **Trần Văn P** về việc ly hôn với bà **Nguyễn Thị Hồng P1**.

+ Về con chung: Giao con chung **Trần Gia H** (giới tính: Nam; sinh ngày: 14/11/2006) cho bà **Nguyễn Thị Hồng P1** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông **P** không cấp dưỡng cho con.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Ông **P** xác nhận không có. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn Ông **Trần Văn P** đã cung cấp đầy đủ lời khai cùng các tài liệu, chứng cứ cho Tòa án và có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt.

Bị đơn bà **Nguyễn Thị Hồng P1** đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để cung cấp chứng cứ, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng.

Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Ông **Trần Văn P** nộp đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà **Nguyễn Thị Hồng P1**, đây là tranh chấp về ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn là bà Nguyễn Thị Hồng P1 cư trú tại Quận H nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 8 theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Xét yêu cầu của các đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy:

Ông Trần Văn P và bà Nguyễn Thị Hồng P1 tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 089/2000 ngày 04 tháng 12 năm 2000. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[3.1] Về quan hệ hôn nhân:

Căn cứ lời khai của nguyên đơn cùng các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án nhận thấy giữa ông Trần Văn P và bà Nguyễn Thị Hồng P1 chỉ ràng buộc về mặt pháp lý, cả hai không còn tình cảm với nhau, đã sống ly thân từ năm 2016 đến nay, quan hệ hôn nhân không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng P1 vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án, không cung cấp lời khai thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Trần Văn P đối với bà Nguyễn Thị Hồng P1.

[3.2] Về con chung:

Căn cứ Giấy khai sinh số 207 do Ủy ban nhân dân Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 03/12/2001 và Giấy khai sinh số 400 do Ủy ban nhân dân Phường C, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 30/11/2006 cùng lời khai của nguyên đơn ông Trần Văn P, lời khai của trẻ Trần Gia H có đủ cơ sở xác định ông Trần Văn P và bà Nguyễn Thị Hồng P1 có hai con chung là Trần Gia L (giới tính: nữ; sinh ngày: 09/11/2001; đã thành niên) và Trần Gia H (giới tính: Nam; sinh ngày 14/11/2006).

Căn cứ Bản tự khai trẻ Trần Gia H trình bày nếu cha mẹ ly hôn thì có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với mẹ.

Theo lời trình bày của ông P, từ thời điểm sống ly thân đến nay, bà P1 là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, hiện tại hai mẹ con đang ở tại địa chỉ Số D đường D, Phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Xét thấy, yêu cầu giao con chung là trẻ Trần Gia H cho bà P1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn của ông P là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, phù hợp

với nguyện vọng và đảm bảo quyền lợi của con chung nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.3] Về cấp dưỡng cho con: Ông **Trần Văn P** yêu cầu ông không cấp dưỡng cho con chung, quá trình giải quyết vụ án bị đơn vắng mặt không có lý do chính đáng, không có lời khai, ý kiến, yêu cầu về cấp dưỡng cho con chung, do đó, Hội đồng xét xử căn cứ tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn. Trường hợp bị đơn có tranh chấp về cấp dưỡng, mức cấp dưỡng cho con chung thì có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

[3.4] Về tài sản chung và nợ chung: Ông **Trần Văn P** xác định không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Toà án giải quyết. Bà **Nguyễn Thị Hồng P1** vắng mặt, không có lời khai yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Tại phiên toà, ý kiến phát biểu và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh phù hợp với tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông **Trần Văn P** phải chịu theo quy định tại khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227; Điều 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các điều 51, 56, 57, 58, 59, 81, 82, 83, 84 và 116 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Luật Phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014),

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Ông **Trần Văn P** ly hôn với bà **Nguyễn Thị Hồng P1**.

Giấy chứng nhận kết hôn số 089/2000 do Ủy ban nhân dân Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 04 tháng 12 năm 2000.

1.2. Về con chung:

Sau khi ly hôn, giao con chung Trần Gia H (giới tính: Nam; sinh ngày: 14/11/2006) cho bà Nguyễn Thị Hồng P1 tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông Trần Văn P không cấp dưỡng cho con chung.

Ông Trần Văn P có quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng cho con.

1.3. Về tài sản chung và nợ chung: Ông Trần Văn P xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng ông Trần Văn P phải chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000830 ngày 03/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Trần Văn P đã nộp đủ.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Về quyền, nghĩa vụ thi hành án:

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

4. Về quyền kháng cáo: Ông Trần Văn P, bà Nguyễn Thị Hồng P1 có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Quận 8, TP.HCM;
- Chi cục THADS Quận 8, TP.HCM;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Đương sự;
- Lưu: VP, Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Xuân Thắng